TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CHÍ LINH** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/HNGĐ- ST
Ngày: 16/02/2022
"V/v ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bạn.

2. Bà Vũ Thị Linh.

- Thư ký phiên toà: Ông Đặng Thái Long - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Đỗ Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở TAND thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 266/2021/TLST - HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2022 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lưu Văn V, sinh năm 1977.

-*Bị đơn*: Chị Phùng Thị T, sinh năm 1982.

Đều đăng ký thường trú tại: thôn Đ, xã H, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Anh V và chị T đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn là anh Lưu Văn V và bị đơn là chị Phùng Thị T trình bày: anh và chị đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện C (nay là thành phố C) tỉnh Hải Dương ngày 08/01/2000. Quá trình chung sống, đến năm 2018, vợ chồng có nảy sinh mâu thuẫn. Theo anh V khai, trước đây anh làm trưởng thôn, có nhiều mối quan hệ, phải đi giao lưu nhiều nhưng chị T không hiểu, không thông cảm và nghi ngờ anh không chung thủy dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Chị T dùng nhiều lời lẽ xúc phạm anh, làm ảnh hưởng đến danh dự và công việc của anh. Từ năm 2018 đến nay, anh chị đã sống ly thân, tuy sống cùng nhà nhưng ăn riêng, ngủ riêng, kinh tế

riêng, không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm không còn, anh V đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T. Còn theo chị T, nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do chị nghi ngờ anh V có quan hệ với chị Nghiêm Thị Y ở cùng thôn Đ, xã H vì có lần chị T bắt gặp anh V và chị Y cùng ở trong chòi trông cá. Tuy hai người không có cử chỉ thân mật gì nhưng vì lý do này nên anh chị thường xảy ra mâu thuẫn, dẫn đến anh V mới muốn ly hôn. Từ năm 2018 đến nay, anh chị sống cùng nhà nhưng ăn riêng, ngủ riêng, kinh tế riêng, không quan tâm, gặp gỡ nhau. Chị vẫn muốn vợ chồng về đoàn tụ nên không đồng ý ly hôn với anh V. Trong trường hợp anh Vinh viết đơn đề nghị chia tài sản chung của vợ chồng và để tài sản cho các con thì chị sẽ đồng ý ly hôn. Chị không có căn cứ gì xác định việc anh V có quan hệ với chị Y nhưng chị khẳng định việc này là có thật.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Lưu Quang S, sinh ngày 04/02/2003 và Lưu Thị N, sinh ngày 03/02/2001 đã trên 18 tuổi, trưởng thành, khỏe mạnh nên anh, chị không đề nghị giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh chị không có nợ chung, chỉ có tài sản chung là nhà và đất nhưng anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết còn chị T đề nghị tòa án giải quyết nhưng không làm đơn yêu cầu chia tài sản mà cho rằng anh V phải có trách nhiệm làm đơn vì anh V là người xin ly hôn.

- Lời khai của bà Bùi Thị M, sinh năm 1958 là mẹ đẻ của anh V và bà Hoàng Thị T, sinh năm 1961 là mẹ đẻ chị T đều xác định anh chị kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại địa phương và chung sống với nhau từ năm 2000 đến nay. Thời gian gần đây anh chị có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh V là trưởng thôn hay phải đi họp. Chị T nghi ngờ anh V có quan hệ với người phụ nữ khác nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Anh chị đã sống ly thân, mặc dù ở cùng nhà nhưng ăn riêng, ngủ riêng, kinh tế riêng, không quan tâm đến nhau. Hai bên gia đình đã động viên hòa giải nhưng không được.

Anh chị có 02 con chung nhưng đều trên 18 tuổi, khỏe mạnh, đang học đại học.

- Biên bản xác minh với ông Phạm Văn H trưởng thôn Đ và ông Lương Văn T, chủ tich Ủy ban mặt trận tổ quốc xã H xác định: anh V là bí thư chi bộ, kiêm trưởng thôn Đ từ năm 2019 đến tháng 3/2021. Ông T, ông H biết vợ chồng anh V, chị T có mâu thuẫn nhưng cụ thể mâu thuẫn như thế nào các ông không nắm được. Có thông tin dư luận là chị T nghi ngờ anh V ngoại tình, cụ thể là ai thì địa phương không nắm được. Trong thời gian anh V làm trưởng thôn đến nay chưa nhận được đơn thư, ý kiến nào của chị T về anh V. Khoảng tháng 1/2021, có đơn thư nặc danh tố cáo anh V lợi dụng chức vụ để khai thác rừng và có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác tuy nhiên không có căn cứ gì, không có người gửi đơn nên thôn, xã không giải quyết. Sau vụ việc đó, anh V xin thôi giữ chức trưởng thôn kiêm bí thư chi bộ.

Tại phiên tòa, các đương sự đều giữ nguyên yêu cầu và ý kiến của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Lưu Văn V được ly hôn chị Phùng Thị T.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Lưu Quang S, sinh ngày 04/02/2003 và Lưu Thị N, sinh ngày 03/02/2001 đã đủ 18 tuổi, trưởng thành, khỏe mạnh nên không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Anh V phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Anh Lưu Văn V khởi kiện xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung với chị Phùng Thị T có địa chỉ thường trú tại xã H, thành phố C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh V và chị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 08/01/2000 tại UBND xã H, huyện C (nay là thành phố C), tỉnh Hải Dương nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Trong quá trình chung sống đến năm 2018 giữa anh chị đã nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu vì anh V là trưởng thôn nên thời gian, tính chất công việc không cố định. Chị T không thông cảm và có nghi ngờ anh V biểu hiện quan hệ với người phụ nữ khác. Chị T không có chứng cứ chứng minh sự việc này và những người thân thích trong gia đình anh V, trưởng thôn nơi anh chị cư trú đều không xác định có sự việc anh V có quan hệ với người phụ nữ khác như chị T khai. Tuy nhiên từ việc nghi ngờ này đã dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm sống và làm ảnh hưởng đến danh dự cũng công việc của anh V khiến anh phải làm đơn xin thôi giữ chức trưởng thôn. Tình trạng trên kéo dài khiến cuộc sống gia đình luôn căng thẳng, nặng nề. Mặc dù hai bên gia đình đã tìm cách hòa giải nhưng không không có kết quả, mâu

thuẫn vợ chồng không được cải thiện mà ngày càng trầm trọng. Cả hai tuy sống cùng nhà nhưng không còn liên quan về sinh hoạt, kinh tế gia đình. Chị T không đồng ý ly hôn nhưng lại không có biện pháp tích cực nào để hòa giải mâu thuẫn vợ chồng. Chị T chỉ đồng ý ly hôn với điều kiện anh V phải để lại toàn bộ tài sản cho chị và các con. Điều này thể hiện chị cũng không còn thực sự muốn níu giữ quan hệ vợ chồng. Từ khi anh V làm đơn xin ly hôn đến nay anh chị vẫn sống ly thân và anh V vẫn kiên quyết xin ly hôn chị T. Như vậy hôn nhân của anh chị đã lâm vào trình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh V là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Lưu Quang S, sinh ngày 04/02/2003 và Lưu Thị N, sinh ngày 03/02/2001 đã đủ 18 tuổi, trưởng thành, khỏe mạnh nên anh, chị không đề nghị giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Anh chị có tài sản chung là nhà và đất nhưng anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết còn chị T đề nghị tòa án giải quyết nhưng không làm đơn yêu cầu chia tài sản mà cho rằng anh V phải có trách nhiệm làm đơn vì anh V là người xin ly hôn. Do đó Tòa án không có căn cứ giải quyết yêu cầu này. Các bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc chia tài sản sau ly hôn bằng 1 vụ án dân sự khác. Vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[2.4]. Về án phí: Anh V là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Lưu Văn V được ly hôn chị Phùng Thị T.

2. Về con chung: Anh V, chị T có 02 con chung là Lưu Quang S, sinh ngày 04/02/2003 và Lưu Thị N, sinh ngày 03/02/2001. Các con chung đều đã đủ 18 tuổi, trưởng thành, khỏe mạnh nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh V, chị T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Anh Lưu Văn V phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn. Đối trừ vào số tiền 300.000 đồng mà anh V đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2020/0002837 ngày 29/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương, anh V đã thi hành xong nghĩa vụ về án phí.

Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Chí Linh;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thành phố Chí Linh;
- UBND xã H, TP C (số đăng ký: 17/quyển 1);
- Lưu: Tòa án, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Hà